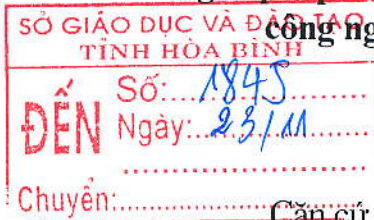


Số: 15 /2012/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày 22 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế xét, công nhận sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ mới trong xét, tặng các danh hiệu thi đua trên địa bàn tỉnh



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26-11-2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03-12-2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26-11-2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14-6-2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24-01-2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1614/SNV-TĐKT ngày 26-7-2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét, công nhận sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ mới trong xét, tặng các danh hiệu thi đua trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đơn vị TW đóng trên địa bàn;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Đăng Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC (V100b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Tỉnh

QUY CHẾ

**Xét, công nhận sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác,
đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ mới
trong xét, tặng các danh hiệu thi đua trên địa bàn tỉnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **15**/2012/QĐ-UBND
ngày **22/11** /2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ mới (gọi tắt là sáng kiến) để tổ chức triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao; hoặc kết quả lao động sáng tạo, tổ chức sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể; các tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Hội đặc thù; lực lượng công an xã, bảo vệ dân phố; cán bộ, công nhân viên trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc xét, công nhận

1. Việc xét, công nhận sáng kiến được thực hiện trên nguyên tắc công khai, công bằng, kịp thời, khách quan. Các tập thể, cá nhân khi đề nghị xét, công nhận sáng kiến phải đăng ký danh hiệu thi đua.

2. Hội đồng xét, công nhận sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu hoặc áp dụng đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ mới trong xét, tặng các danh hiệu thi đua của tỉnh (Hội đồng sáng kiến) chỉ xét những sáng kiến đã được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở xét, công nhận.

Chương II ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN, NỘI DUNG, PHẠM VI ẢNH HƯỞNG CỦA SÁNG KIẾN

Điều 4. Điều kiện công nhận sáng kiến

1. Có tính mới, sáng tạo, đột phá

- Chưa được cơ quan quản lý cấp trên giới thiệu bằng văn bản; không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng thử hoặc có kế hoạch đưa vào áp dụng, phổ biến, hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến.

- Chưa được cơ quan, đơn vị hoặc cơ quan quản lý cấp trên quy định thành những biện pháp thực hiện bắt buộc như tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm, nội quy và không trùng với nội dung của một sáng kiến đã đăng ký trước.

2. Có tính khả thi, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, được áp dụng có hiệu quả trong hoạt động lao động sản xuất, công tác và có khả năng phổ biến rộng rãi trong ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh.

3. Đảm bảo tính hiệu quả

- Về kinh tế: Nâng cao năng suất lao động, hợp lý hoá sản xuất, tiết kiệm về thời gian, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; nâng cao hiệu quả về kỹ thuật, sản xuất, kinh doanh.

- Về mặt xã hội: Góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động; cải thiện điều kiện làm việc, giảng dạy, học tập, công tác; cải cách hành chính; nâng cao chất lượng cuộc sống; bảo vệ môi trường; bảo vệ sức khỏe cộng đồng,

4. Sáng kiến đã được áp dụng, thời gian thực hiện quyền đề nghị công nhận sáng kiến là 02 năm (đối với cá nhân đề nghị xét, tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở); từ 03 đến 05 năm (đối với cá nhân đề nghị xét, tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh và Chiến sỹ thi đua toàn quốc).

Điều 5. Nội dung sáng kiến

1. Sáng tạo trong việc triển khai, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; xây dựng cơ chế, chính sách mang lại hiệu quả cao được áp dụng trong cơ quan, đơn vị, ngành, toàn tỉnh.

2. Sáng tạo trong việc tổ chức sản xuất, phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc có khả năng áp dụng, mang lại hiệu quả thiết thực góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp, sáng tạo trong quản lý hành chính nhà nước, quản lý tài chính, tài sản công; đổi mới phương pháp lãnh đạo, quản lý; tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực, phương tiện làm việc; cải cách thủ tục hành chính; cải tiến lề lối làm việc, quy trình, phương pháp làm việc; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí...mang lại hiệu quả, chất lượng, tiết kiệm thời gian, kinh phí.

4. Sáng kiến mang lại lợi ích thiết thực được áp dụng vào sản xuất, công tác có tính kỹ thuật cao, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả hoặc cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện sống, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, hiệu quả an toàn, vệ sinh lao động...

5. Sáng kiến trong việc đổi mới công nghệ, khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công; kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm sức lao động, nguyên vật liệu, năng lượng, tiền vốn...

6. Những phát minh, sáng chế hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn.

7. Các đề tài nghiên cứu, công trình khoa học trên tất cả lĩnh vực khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn; xây dựng Đảng; xây dựng chính quyền,

xây dựng đoàn thể; quốc phòng, an ninh...được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

Điều 6. Phạm vi ảnh hưởng

Sáng kiến được triển khai áp dụng vào thực tiễn trong phạm vi toàn ngành, toàn tỉnh, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và được phổ biến nhân rộng, nêu gương học tập.

Chương III

THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN, NHIỆM VỤ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 7. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là: Hội đồng sáng kiến cấp huyện; Hội đồng Sáng kiến các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Hội đồng Sáng kiến các doanh nghiệp của tỉnh.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

Điều 8. Thành lập Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở có từ 7 đến 11 thành viên, do Chủ tịch UBND cấp huyện; thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp quyết định thành lập, gồm: Chủ tịch, các Phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp.

b) Các Phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên là lãnh đạo các Ban xây dựng Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các phòng chuyên môn cấp huyện; đại diện tổ chức Đảng; các đoàn thể và phòng chuyên môn của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các đơn vị, doanh nghiệp.

c) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng được quyền mời chuyên gia của các ngành, lĩnh vực tham gia tư vấn giúp việc cho Hội đồng.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh có từ 15 đến 19 thành viên, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng do 01 Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đảm nhận.

b) Phó chủ tịch thường trực Hội đồng: Phó giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

c) Các Phó chủ tịch Hội đồng gồm: lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh.

d) Thư ký và các ủy viên là lãnh đạo các Ban xây dựng Đảng, đoàn thể; các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng được quyền mời một số thành viên là nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia, công nhân kỹ thuật cao tham gia tư vấn, giúp việc cho Hội đồng.

Điều 9. Thường trực Hội đồng sáng kiến

1. Cơ quan thường trực

a) Cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở là phòng Nội vụ hoặc bộ phận theo dõi công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các đơn vị, doanh nghiệp.

b) Cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

2. Nhiệm vụ của cơ quan thường trực

a) Tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, rà soát và thẩm định sơ bộ hồ sơ sáng kiến của các tập thể, cá nhân.

b) Chuẩn bị nội dung cuộc họp, tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng về kết quả xét, duyệt, chấm điểm và hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Hội đồng quyết định công nhận.

c) Tổng hợp danh sách các sáng kiến được công nhận; lập hồ sơ trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cùng với danh hiệu thi đua hàng năm..

d) Hướng dẫn, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng.

Điều 10. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến

1. Xây dựng các tiêu chuẩn, thẩm định, đánh giá mức độ ảnh hưởng đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định công nhận sáng kiến, làm cơ sở khen thưởng các danh hiệu thi đua hàng năm.

2. Tổ chức đánh giá một cách khoa học, khách quan việc áp dụng các sáng kiến vào thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Thực hiện sự phối hợp với các ngành chuyên môn có liên quan thẩm định sáng kiến mang tính liên ngành có thể áp dụng rộng rãi, những sáng kiến có giá trị làm lợi lớn hoặc giá trị làm lợi không tính được thành tiền, xác định giá trị làm lợi do việc áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất của các tổ chức, tác giả.

4. Theo dõi, tổng hợp, đề xuất các cơ chế, chính sách, các biện pháp phù hợp để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, người lao động tham gia các hoạt động sáng tạo, góp phần làm lợi cho xã hội, cộng đồng và phát huy năng lực của mỗi người.

5. Xây dựng quy chế hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin, phổ biến về nội dung, lợi ích của thành tích, sáng kiến trên các phương tiện thông tin đại chúng cho các cơ quan, đơn vị cá nhân học tập, áp dụng.

7. Hội đồng sáng kiến được sử dụng con dấu của cơ quan thường trực để quan hệ công tác hoặc để ban hành quyết định công nhận khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền.

Điều 10. Chế độ làm việc

1. Hội đồng sáng kiến họp định kỳ 02 lần/năm (6 tháng họp 1 lần); họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập. Các kỳ họp của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự.

2. Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết theo đa số.

3. Trong trường hợp cần thiết mà chưa tiến hành họp Hội đồng, cơ quan thường trực báo cáo Chủ tịch Hội đồng lấy ý kiến thành viên bằng văn bản. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các thành viên cho ý kiến và gửi lại cơ quan thường trực Hội đồng để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

Điều 11. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến được trích từ nguồn quỹ thi đua, khen thưởng hàng năm theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; điểm c, khoản 1, Điều 4 Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Định mức kinh phí chi cho các cuộc họp của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT- BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thường trực Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng cùng cấp trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Chương IV

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 12. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận (theo mẫu)

1. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận sáng kiến cấp tỉnh gồm:

a) Đơn đề nghị xét, công nhận sáng kiến.

b) Nội dung sáng kiến:

- Tên tác giả, đồng tác giả; tên sáng kiến, lĩnh vực áp dụng.

- Bản sáng kiến chi tiết có xác nhận của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

- Tóm tắt nội dung: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; mục đích, nội dung nghiên cứu; khả năng áp dụng, các giải pháp, biện pháp tổ chức thực hiện; hiệu quả về năng suất, chất lượng; hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội mà sáng kiến mang lại (có số liệu minh họa).

- Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan.

c) Quyết định công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

d) Hồ sơ thành 02 bộ (bản chính); 25 bản sao tóm tắt nội dung sáng kiến. Gửi về Sở Nội vụ - Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận sáng kiến cấp cơ sở gồm:

a) Đơn đề nghị xét, công nhận sáng kiến.

b) Nội dung sáng kiến:

- Tên tác giả, đồng tác giả; tên sáng kiến, lĩnh vực áp dụng.

- Bản sáng kiến chi tiết có ý kiến xác nhận của phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương.

- Tóm tắt nội dung: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; mục đích, nội dung nghiên cứu; khả năng áp dụng, các giải pháp, biện pháp tổ chức thực hiện; hiệu quả về năng suất, chất lượng; hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội mà sáng kiến mang lại (có số liệu minh họa).

- Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan.

c) Hồ sơ thành 02 bộ (bản chính); 25 bản sao tóm tắt nội dung sáng kiến. Gửi về thường trực Hội đồng sáng kiến các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; doanh nghiệp; phòng Nội vụ các huyện, thành phố.

Điều 13. Trình tự xét, công nhận

1. Bước 1: Thường trực Hội đồng sáng kiến nhận, xem xét phân loại, tổng hợp hồ sơ đề nghị của các tập thể, cá nhân.

2. Bước 2: Gửi hồ sơ, tóm tắt nội dung sáng kiến của tập thể, cá nhân kèm theo công văn đề nghị thành viên Hội đồng sáng kiến và các chuyên gia phản biện (nếu có) nghiên cứu, thẩm định, chấm điểm (theo Bảng chấm điểm các tiêu chí chung) 15 ngày sau khi nhận hồ sơ và gửi lại cơ quan thường trực.

3. Bước 3: Thường trực Hội đồng tổng hợp chung làm tài liệu kỳ họp

4. Bước 4: Họp xét.

- Thường trực Hội đồng sáng kiến báo cáo số lượng, nội dung thẩm định, bảng tổng hợp chấm điểm các tiêu chí chung.

- Thành viên Hội đồng thảo luận, cho ý kiến, nhận xét, đánh giá.

- Trên cơ sở bảng tổng hợp chấm điểm các tiêu chí chung, Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá.

- Kiểm phiếu, công bố kết quả. Sáng kiến được công nhận phải đạt từ 80% số phiếu hợp lệ trở lên.

- Chủ tịch Hội đồng kết luận.

Điều 14. Công nhận sáng kiến

1. Căn cứ kết quả bỏ phiếu đánh giá của các thành viên, Chủ tịch Hội đồng sáng kiến ban hành quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến. Trong trường hợp sáng kiến là của tập thể tác giả thì Chủ tịch Hội đồng cấp giấy chứng nhận sáng kiến cho từng cá nhân.

2. Sáng kiến được công nhận hàng năm và được bảo lưu 02 năm đối với sáng kiến cấp cơ sở; từ 03 đến 05 năm đối với sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 15. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị xét, công nhận

1. Đối với cấp cơ sở: Hồ sơ sáng kiến của tổ chức, cá nhân gửi về bộ phận Thường trực Hội đồng sáng kiến trước ngày 05 tháng 01 hằng năm (Riêng các đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục và đào tạo trước ngày 15 tháng 6 hằng năm).

2. Đối với cấp tỉnh: Hồ sơ sáng kiến của tổ chức, cá nhân gửi về bộ phận giao dịch một cửa của Sở Nội vụ tiếp nhận trước ngày 05 tháng 02 hằng năm (Riêng các đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục và đào tạo trước ngày 15 tháng 7 hằng năm) và chuyển cho Thường trực Hội đồng sáng kiến (Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh)-tổng hợp. Trả kết quả tại bộ phận giao dịch một cửa trong thời gian 40 ngày làm việc.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ quy định tại Quyết định này cụ thể hóa thành quy định của ngành, đơn vị, địa phương.

2. Giao Thường trực Hội đồng Sáng kiến của tỉnh xây dựng tiêu chí xét, công nhận; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định này; định kỳ quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các ý kiến phản ánh gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để kịp thời đề nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Tỉnh